

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày: 08 – 7 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Thông - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, Tầng 2, Tòa nhà S, phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Trần Thị Thu H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ – Khối Ngân hàng Bán lẻ V (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Quốc Q và ông Nguyễn Ngọc T. Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, Số 26, Đường U, Phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/11/2021) (Có mặt ông Nguyễn Ngọc T).

2. Bị đơn: Bà Trịnh M, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 832/B, ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng V, có ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Vào ngày 28/10/2020, bà Trịnh M có vay của Ngân hàng V – Chi nhánh G – Phòng giao dịch Quận O, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2020 với số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng); mục đích vay là đáp ứng nhu cầu về thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, thời hạn trả nợ đến ngày 29/10/2027; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ cộng biên độ 3.3 %/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm; biện pháp bảo đảm bằng hình thức thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số khung RNYYL52A8LC191010, số máy D4HBLH705716, biển kiểm soát 66A-132.23; phương thức trả vốn và lãi hàng tháng vào ngày 10, mỗi tháng (kỳ) trả số tiền 10.714.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền 10.738.000 đồng. Bà M đã nhận tiền vay vào ngày 29/10/2020 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán số 070083960157 của Công ty cổ phần Ô Tô Trường H – Chi nhánh Long An, mở tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 10/7/2021 bà M đã trả tiền vốn là 85.712.000 đồng và tiền lãi là 47.997.252 đồng. Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 11/7/2021, V đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ ngày 11/7/2021 đến nay, bà M không thanh toán được cho V số tiền vốn và lãi nào.

Tính đến ngày 21/10/2021, bà M phải thanh toán cho V số tiền là 841.142.509 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.902.161 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.952.348 đồng.

Tính đến ngày 08/7/2022, bà M phải thanh toán cho V số tiền là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng.

Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng V yêu cầu bà Trịnh M trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2021 là 841.142.509 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.902.161 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.952.348 đồng, và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V yêu cầu bà Trịnh M trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2021 là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403

đồng, và tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng bà M không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo về kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt trong lần mời các đương sự tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thứ hai do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sai sót nói trên có liên quan đến thủ tục tố tụng nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án và quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, tuy nhiên cần rút kinh nghiệm đối với sai sót này.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn bà Trịnh M chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trịnh M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2021 là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng, và tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trịnh M cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227

và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng V yêu cầu bà Trịnh M trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 08/7/2022 là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng, và tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/10/2020 thì bà M ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V để vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), thời hạn vay là 84 tháng, từ ngày 30/10/2020 đến ngày 29/10/2027, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ cộng biên độ 3.3 %/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm, mục đích vay là đáp ứng nhu cầu về thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA. Bà M đã nhận tiền vào ngày 29/10/2020 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán số 070083960157 của Công ty cổ phần Ô Tô Trường H – Chi nhánh Long An, mở tại Ngân hàng TMCP S.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận xác lập hợp đồng tín dụng giữa V và bà M là có thật và hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính từ ngày 29/10/2020 đến ngày 10/7/2021 bà M đã trả tiền vốn là 85.712.000 đồng và tiền lãi là 47.997.252 đồng. Từ ngày 11/7/2021 đến nay, bà M không thanh toán nợ cho VIB theo đúng thỏa thuận đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên V đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 11/7/2021 là có căn cứ, phù hợp với nội dung hai bên thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng), với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/7/2022 là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng. Mặt khác, bà M không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu chứng cứ do V cung cấp cho Tòa án, nên bà M phải có nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi còn nợ cho V là có căn cứ pháp luật.

Do đó, V yêu cầu bà Trịnh M trả tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 08/7/2022 là 971.866.397 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh từ ngày 08/7/2022 đến ngày bà M thực trả hết nợ cho V theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc bà Trịnh M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V tiền vốn vay là 814.288.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.735.994 đồng, tiền lãi quá hạn là 151.842.403 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 971.866.397 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trịnh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7211678.20 ngày 28/10/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/10/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí:

Buộc bà Trịnh M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 41.156.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.617.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001435 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ

